

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC THỌ
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 17/01/2018.

“*V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC THỌ - TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Như.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Như Long và ông Bùi Đình Sỹ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Thọ tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về việc tranh chấp “*Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1976; nơi cư trú: Tổ dân phố 6 TTĐT, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Thợ may; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Ng, sinh năm: 1968; nơi cư trú: Tổ dân phố 6 TTĐT, huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; hiện đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính “*Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc*” tại Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội tỉnh Hà Tĩnh; địa chỉ: Thôn 1 xã Cẩm Quan, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/12/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị Nguyễn Thị L chung sống như vợ chồng với anh Nguyễn Hữu Ng từ năm 1992 đến nay trên cơ sở tình yêu tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không

bị ai ép buộc hay lừa dối nhưng không đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 25 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân nảy sinh mâu thuẫn do anh Ng không chịu tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con, sa vào tệ nạn xã hội dẫn đến nghiện ngập. Nay, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 4 con chung là: Nguyễn Quốc Ph, sinh ngày: 28/11/1993; Nguyễn Chí B, sinh ngày: 26/6/1997; Nguyễn Tuấn K, sinh ngày: 17/12/2009 và Nguyễn Quốc H, sinh ngày: 23/9/2012. Cháu Ph và cháu B đã trưởng thành, tự lo cho cuộc sống của bản thân nên chị L không yêu cầu giải quyết. Cháu K và cháu H còn nhỏ nên chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con cho đến khi các con mỗi con đủ 18 tuổi và chị L không yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng thỏa thuận tự phân chia và tự trả nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Hữu Ng trình bày: anh Ng và chị L về chung sống với nhau như vợ chồng, nguyên nhân, mức độ mâu thuẫn anh thống nhất như ý kiến của chị L.

- Về con chung: Anh Ng trình bày do hiện nay anh đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính “Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc” tại Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội tỉnh Hà Tĩnh và không có khả năng nuôi con nên anh thống nhất như ý kiến chị L.

- Về tài sản và nợ chung: Anh Nguyễn Hữu Ng thống nhất như ý kiến của chị Nguyễn Thị L và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 28; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014:

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu Ng là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tuấn K, sinh ngày: 17/12/2009 và Nguyễn Quốc H, sinh ngày: 23/9/2012 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu mỗi cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Hữu Ng có quyền và nghĩa

vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Nguyễn Hữu Ng cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản và nợ chung: Chị L và anh Ng không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ kiện tranh chấp về “*Hôn nhân và gia đình*” giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị L và bị đơn anh Nguyễn Hữu Ng; đều trú tại Thị Trấn Đức Thọ huyện Đức Thọ theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Đức Thọ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu Ng tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1992 nhưng không đăng ký kết hôn vì chị L mới 16 tuổi chưa đủ tuổi kết hôn, cuộc hôn nhân như vậy là hoàn toàn bất hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau từ năm 1992 cho đến nay, đáng lẽ ra khi đủ điều kiện kết hôn thì chị L và anh Ng phải đi đăng ký kết hôn nhưng cả hai đều không thực hiện mà vẫn sống với nhau như vợ chồng. Trong thời gian chung sống với nhau không có hạnh phúc, hiện nay chị L thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Việc nam, nữ không đăng ký kết hôn mà sống với nhau như vợ chồng thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng và không được pháp luật công nhận. Vì vậy Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu Ng là vợ chồng theo quy định tại Điều 14; Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về con chung: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa cũng như tại bản tự khai có tại hồ sơ các bên đương sự xác định con thứ nhất Nguyễn Quốc Ph, sinh ngày: 28/11/1993 và con thứ hai Nguyễn Chí B, sinh ngày: 26/6/1997 đã trên 18 tuổi, có đủ khả năng lao động, tự lo cho cuộc sống của bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con thứ ba Nguyễn Tuấn K, sinh ngày: 17/12/2009 và con thứ tư Nguyễn Quốc H, sinh ngày: 23/9/2012 chị Nguyễn Thị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Tại bản tự khai anh Ng cũng có nguyện vọng giao hai con cho chị L nuôi. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay anh Ng đang chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính “*Đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc*” tại Trung tâm chữa bệnh giáo dục lao động xã hội tỉnh Hà Tĩnh không có đủ điều kiện để nuôi con nên Hội đồng xét xử giao cháu K và cháu B cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành là phù hợp theo quy định tại Điều 15; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Phần cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị L không yêu cầu anh Nguyễn Hữu Ng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: Chị L và anh Ng thỏa thuận tự phân chia và tự trả nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí và quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; chị L và anh Ng được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 53; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu Ng là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Tuấn K, sinh ngày: 17/12/2009 và Nguyễn Quốc H, sinh ngày: 23/9/2012 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Anh Nguyễn Hữu Ng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b Khoản 1 Điều 3; Điều 6; Điểm a Khoản 1 Điều 24; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Xử buộc chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị L đã nộp theo biên lai thu tiền số 003225 ngày 11/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐT, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Chi cục THADS huyện Đức Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Như

